

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Thuê dịch vụ vệ sinh công nghiệp năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai tại cơ sở 1 (Tổ dân phố Tiên Phong, Phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai).

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai.

- Địa điểm thực hiện: Tại cơ sở 1 (Tổ dân phố Tiên Phong, Phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai).

- Yêu cầu về cung cấp dịch vụ: Dịch vụ Vệ sinh công nghiệp.

- Nguồn vốn: Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2025

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

2. Mục tiêu công việc:

2.1. Mục tiêu: Thực hiện vệ sinh môi trường bề mặt, phân loại rác thải y tế và vận chuyển rác đến nơi tập kết tuân thủ quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2.2. Phạm vi thực hiện công việc:

* Khu vực ngoại cảnh: Khuôn viên, cây cảnh, sàn gạch, lối đi, nhà để xe và công tác cắt cỏ, cắt tỉa cây xanh... của 06 khối nhà chính Bệnh viện.

* Khu vực trong nhà: 06 khối nhà.

(1). Nhà A (khối nhà chính): bao gồm 02 tầng Hầm và 08 Tầng nổi. Tổng số: 820 phòng. (Trong đó: 167 phòng bệnh, 360 phòng làm việc, 11 phòng mổ, 63 kho, 216 phòng vệ sinh, 03 Hội trường. Tổng diện tích: 42.341m²).

(2). Nhà B (nhà Chuyên gia): 02 tầng, tổng số 17 phòng, diện tích: 864m².

(3). Nhà C (nhà Bệnh nhiệt đới): 02 tầng, Tổng 25 phòng (Trong đó: 08 phòng bệnh, 05 phòng làm việc, 01 phòng mổ áp lực âm, 01 phòng họp, 06 phòng vệ sinh, 04 kho. Tổng diện tích: 772m²).

(4). Nhà D (Nhà Giải phẫu): 01 tầng, 01 phòng chứa tử thi và giải phẫu bệnh, 03 phòng làm việc, 04 nhà vệ sinh. Tổng diện tích: 446m².

(5). Nhà E (Khu nhà Tiếp dân và Thường trực Tổ lái xe): 01 tầng, 04 phòng, diện tích 138m².

(6). Nhà G (Khoa Nội tiết - rối loạn chuyển hoá và Khoa Lao - các Bệnh về Phổi): 11 toà nhà (07 toà nhà 3 tầng, 01 toà nhà 2 tầng, 03 toà nhà 1 tầng). Tổng diện tích: 8.196,47 m²

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

3.1. Thực hiện vệ sinh đảm bảo đúng quy định theo các văn bản hướng dẫn sau:

Quyết định số 3916/QĐ-BYT ngày 28/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt các hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh chữa bệnh;

Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 của Bộ Y tế, quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế, quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3.2. Công việc vệ sinh trong các khối nhà, khu vực ngoại cảnh:

Thời gian Vị trí	Thu gom và vận chuyển rác về khu vực tập kết	Vệ sinh sàn, tường, trần, cửa... (trong và ngoài tòa nhà)	Tần suất	Yêu cầu chất lượng
Phòng bệnh	05h00-05h30 và 11h30-12h00	05h30-07h30; 12h00-14h00; 17h - 20h00.	Hàng ngày và khi có phát sinh	- Cảm quan: Không mùi hôi, thối, khai, không mùi lạ, không bụi, không có mạng nhện, không có rác nổi, không có vết bẩn, không rêu mốc, không có xác côn trùng... tại tất cả các vị trí. - Thực hiện theo đúng nguyên tắc làm vệ sinh bệnh viện theo Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ Y tế, Thông tư số 20/2021/TT-
Phòng kỹ thuật (phòng thủ thuật, phòng tiêm, phòng khám, phòng bó bột...)	05h00-05h30 và 11h30-12h00	05h30-07h30; 12h00-14h00; 17h - 20h00.	Hàng ngày và khi có phát sinh	
Phòng họp/hội trường	05h00-05h30 và 11h30-13h00	05h30-07h30; 12h00-14h00; 17h - 20h00.	Hàng ngày và khi có phát sinh (Trừ hội trường tầng 4 vệ sinh 1 tuần/1 lần và khi có yêu cầu)	
Phòng mổ	05h00-05h30 và 11h30-12h00	05h30-07h30; 12h00-14h00; 17h - 20h00	Hàng ngày và khi có phát sinh	
Phòng làm việc (tại khu vực hành chính các khoa/phòng) và các vị trí khác.	05h00-05h30 và 11h30-12h00 hoặc khi có yêu cầu.	05h30-07h30; 12h00-14h00; 17h - 20h00	Hàng ngày và khi có phát sinh	

Thời gian Vị trí	Thu gom và vận chuyển rác về khu vực tập kết	Vệ sinh sàn, tường, trần, cửa... (trong và ngoài tòa nhà)	Tần suất	Yêu cầu chất lượng
Phòng vệ sinh	05h00-05h30 và 11h30-12h00	05h30-07h30; 12h00-14h00; 17h - 20h00	Hàng ngày và khi có phát sinh	BHYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế. - Duy trì làm sạch khi có phát sinh
Vệ sinh sảnh chờ trong nhà và ngoài trời, hành lang....	05h00-05h30 và 11h30-12h00	05h30-07h30; 12h00-14h00; 17h - 20h00	Hàng ngày và khi có phát sinh	
Vệ sinh cầu thang bộ, cầu thang máy, cầu thang cuốn, và các vị trí khác. Đồng thời vệ sinh, cắt tỉa cây cảnh trong nhà, hành lang...	05h00-05h30 và 11h30-12h00	05h30-07h30; 12h00-14h00; 17h - 20h00	Hàng ngày và khi có phát sinh	
Chà sàn bằng máy khu vực hành lang và sảnh chung, vị trí khác khi cần.	05h00-05h30 và 11h30-12h00	05h30-07h30; 12h00-14h00; 17h - 20h00	2 tuần/ 1 lần	
Lau vách kính, cửa kính lớn/nhỏ (2 mặt kính)		Vào các ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày thường	Ít nhất 1 tháng/ 1 lần	

Thời gian Vị trí	Thu gom và vận chuyển rác về khu vực tập kết	Vệ sinh sàn, tường, trần, cửa... (trong và ngoài tòa nhà)	Tần suất	Yêu cầu chất lượng
				dưới và lau khô kỹ lưỡng để tránh đọng nước.
Ngoại cảnh	11h00-16h00 hàng ngày		Hàng ngày và khi có phát sinh	- Dọn dẹp sạch sẽ các khu vực bên ngoài như sân vườn, loại bỏ rác thải, cắt tỉa cây cối, cắt cỏ... và đảm bảo không gian thoáng đãng, sạch sẽ và an toàn.

3.3. Yêu cầu về máy móc, thiết bị thi công và dụng cụ chủ yếu phục vụ vệ sinh:

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật tối thiểu yêu cầu	ĐVT	SL
I. VẬT TƯ THAY THỂ HÀNG THÁNG				
1	Khăn lau	- Chất liệu: 100% cotton; - Kích thước: $\geq 35 \times 35$ cm;	Chiếc	129
2	Găng tay dùng trong vệ sinh môi trường		Đôi	129
3	Cọ rổi kim loại	- Chất liệu: Thép không gỉ;	Cái	129
4	Bàn chải cọ nhà vệ sinh cong + thẳng		Cái	43
5	Chổi nhựa	Kích thước: Cán chổi ≥ 100 cm, chiều dài cả chổi ≥ 120 cm, chiều rộng mặt chổi: 25cm-30cm;	Chiếc	43
6	Chổi tre	Chất liệu: Tre;	Chiếc	10
7	Chổi chít cán dài	Chất liệu: Bông chít;	Chiếc	25

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật tối thiểu yêu cầu	ĐVT	SL
8	Túi ni lông đựng rác sinh hoạt	- Loại: 40kg; - Màu xanh;	Kg	200
II. VẬT TƯ TIÊU HAO/THAY THẾ 3 THÁNG/LẦN				
1	Chổi lau ước cán inox (cán + đầu lau)	Chổi lau ước cán inox (cán + đầu lau) - Bông lau bằng sợi cotton, bề rộng mặt lau: ≥ 30 cm; - Phần cán inox dài ≥ 140 cm;	Bộ	21
2	Đầu chổi lau ước thay thế	Đầu chổi lau ước thay thế: Bông lau bằng sợi cotton, bề rộng mặt lau: ≥ 30 cm;	Cái	21
3	Chổi lau khô cán inox (khung chổi Inox+ miếng lau làm bằng sợi tổng hợp)	Chất liệu: Mặt lau bằng vải sợi cotton, cán inox; + Cán chổi dài: ≥ 135 cm + Khung bàn lau: Inox, kích thước 60x20cm ($\pm 10\%$)	Bộ	21
4	Chổi lau ẩm cán INOX (khung chổi Inox+ miếng lau làm bằng sợi tổng hợp)	Chất liệu: vải sợi cotton, cán inox; + Cán chổi: Inox, dài ≥ 135 cm + Khung bàn lau: Inox, kích thước 60x20cm ($\pm 10\%$)	Bộ	21
5	Miếng giẻ đẩy ẩm, miếng giẻ lau khô thay thế	Chất liệu: Vải sợi cotton;	Cái	21
6	Xô nhựa	Thể tích: ≥ 14 lít	Chiếc	21
7	Phát trần cán ngắn	- Chất liệu phát trần: Nhựa; - Kích thước cán + phát trần: ≤ 60 cm;	Chiếc	21
8	Hót rác nhựa cán dài		Chiếc	21
9	Dao cạo nền	Chất liệu: thép không gỉ;	Chiếc	20
10	Thụt cao su		Chiếc	20
III. VẬT TƯ TIÊU HAO/THAY THẾ 12 THÁNG/LẦN				
1	Bộ gạt sàn (gạt nước)	Cán gạt: Inox Lưỡi Cao su	Bộ	43
2	Phát trần cán dài	- Chất liệu phát trần: Nhựa; - Kích thước cán + phát trần: ≥ 200 cm;	Cái	43
3	Dây thông tắc	- Chất liệu: Vò cotton, lò xo thép chống gỉ;	Chiếc	43

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật tối thiểu yêu cầu	ĐVT	SL
		- Chiều dài: $\geq 4m$		
4	Bình xịt	- Chất liệu: Nhựa; - Dung tích: $\geq 500ml$;	Chiếc	43
5	Cây gạt nước lau kính	- Lưỡi cao su; - Kích thước lưỡi gạt: 35cm/45cm;	Chiếc	43
IV. HÓA CHẤT HÀNG THÁNG				
1	Hóa chất làm sạch sàn đa năng	Đạt tiêu chuẩn cơ sở trở lên	Lít	80
2	Hóa chất tẩy rửa toilet	Đạt tiêu chuẩn cơ sở trở lên	Lít	90
3	Hóa chất lau bề mặt khử khuẩn	Đạt tiêu chuẩn cơ sở trở lên.	Lít	15
4	Hóa chất tẩy ố kính	Đạt tiêu chuẩn cơ sở trở lên	Lít	23
5	Hóa chất tẩy cáu cặn, tẩy gỉ ố bề mặt	Đạt tiêu chuẩn cơ sở trở lên	Lít	10
6	Bột giặt	Đạt tiêu chuẩn cơ sở trở lên	Kg	20
7	Hóa chất tẩy	Đạt tiêu chuẩn cơ sở trở lên Thành phần: NaOCL 10 – 12 %	Lít	15
8	Nước xịt phòng	- Đạt tiêu chuẩn cơ sở trở lên - Hương hoa hoặc hương xả...	Chai	20
9	Kem đa năng lau làm sạch thiết bị, đồ dùng	Đạt tiêu chuẩn cơ sở trở lên.	Lít	10
V. BẢO HỘ LAO ĐỘNG THAY THẾ 06 THÁNG/LẦN				
1	Quần áo Bảo hộ lao động	Chất liệu: Vải kaki	Bộ	43
2	Ủng	Chất liệu: Cao su	Đôi	43
4	Áo mưa		Bộ	3
5	Nón	Chất liệu: Lá cọ.	Cái	3
6	Mũ cứng	Chất liệu: Nhựa	Cái	3
8	Khẩu trang	Khẩu trang y tế 4 lớp	Hộp	40
7	Thẻ	Chất liệu: Nhựa	Cái	43
VI. PHƯƠNG TIỆN, DỤNG CỤ THIẾT BỊ TÍNH KHẤU HAO 36 THÁNG				

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật tối thiểu yêu cầu	ĐVT	SL
1	Xe đẩy đồ đa năng	Túi đựng đồ dơ bằng vải bạt, các ngăn chứa đồ, 4 bánh xe di chuyển	Cái	42
2	Máy đánh sàn	Công suất motor chà tối thiểu: 750W Công suất motor hút tối thiểu: 1.000W Khả năng làm sạch 1.750m ² /h Dung tích bình chứa nước sạch tối thiểu: 65L Dung tích bình chứa nước bẩn tối thiểu: 70L	Chiếc	1
3	Máy hút bụi, hút nước	- Công suất \geq 2000W - Dung tích thùng chứa \geq 60 lít	Chiếc	1
4	Máy phun rửa áp lực cao	Thông số kỹ thuật \geq 1500W	Chiếc	2
5	Máy hút bụi đeo lưng	- Công suất \geq 1450W - Dung tích: 10L	Chiếc	2
6	Máy làm sạch thang cuốn	- Công suất hút và chải: 1250W	Chiếc	1
7	Máy cắt cỏ cầm tay có dây đeo vai	Tốc độ vòng quay cao.	Chiếc	1

- Yêu cầu đối với thiết bị:

Nhà thầu phải có cam kết: Thiết bị thực hiện hợp đồng theo đúng E-HSDT. Trường hợp không tuân thủ về thiết bị trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng nhà thầu chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư đơn phương chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu vi phạm thay đổi E-HSDT.

Tại thời điểm bắt đầu thực hiện hợp đồng nhà thầu phải tập hợp đủ thiết bị theo E-HSDT kèm theo các giấy tờ có liên quan để Chủ đầu tư kiểm tra về số lượng, chất lượng của thiết bị đáp ứng đúng theo E-HSDT.

3.4. Yêu cầu về nhân lực:

3.4.1. Số lượng:

Số lượng nhân công có mặt để thực hiện vệ sinh hàng ngày tại Bệnh viện: \geq 44 người.

- Giám sát kiêm hỗ trợ công tác tổng vệ sinh: \geq 01 người.

- Công nhân vệ sinh: \geq 43 người.

3.4.2. Yêu cầu về đào tạo/tập huấn:

* Nhân viên vệ sinh, người quản lý tối thiểu phải đạt các yêu cầu sau:

- Có chứng chỉ/chứng nhận đào tạo về công tác vệ sinh/kỹ thuật vệ sinh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Có đầy đủ các chứng chỉ/chứng nhận sau: Phòng cháy chữa cháy, thực hành tốt 5S, an toàn vệ sinh lao động, đào tạo/cập nhật kiến thức về kiểm soát nhiễm khuẩn, quy tắc ứng xử của người lao động làm việc tại cơ sở y tế.

* Nhân viên vệ sinh: Có ít nhất 04 nhân sự có chứng chỉ/chứng nhận về an toàn lao động làm việc trên cao.

3.4.3. Yêu cầu khác về nhân lực:

Đối với nhân sự: Nhà thầu phải có cam kết trung thực về đề xuất nhân sự theo E-HSDT.

Có cam kết: Nhân sự thực hiện hợp đồng theo đúng E-HSDT, trường hợp không tuân thủ về nhân sự nhà thầu chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư đơn phương chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu vi phạm thay đổi E-HSDT.

Tại thời điểm bắt đầu thực hiện hợp đồng nhà thầu phải tập hợp đủ nhân sự theo E-HSDT kèm theo hồ sơ nhân sự trích ngang để chủ đầu tư kiểm tra về nhân sự đáp ứng đúng theo E-HSDT.

3.5. Yêu cầu về thực hành kỹ thuật vệ sinh:

- Nhân viên vệ sinh:

+ Đảm bảo vệ sinh cá nhân, trang phục trước và sau khi thực hiện vệ sinh tại bệnh viện.

+ Thực hành đúng kỹ thuật vệ sinh, từ khâu chuẩn bị đủ, đúng dụng cụ vệ sinh, pha đúng dung dịch và nồng độ dung dịch làm vệ sinh khử khuẩn; Kỹ thuật lau, quét, vệ sinh... đúng, đảm bảo sạch, tránh làm ô nhiễm khi vệ sinh.

+ Mang đầy đủ và đúng các trang phục phòng hộ cá nhân trong suốt quá trình làm việc và phải thay trang phục.

+ Thực hiện các quy định khác có liên quan.

- Người quản lý và các nhân viên khác: Thực hiện nhiệm vụ đúng quy định có liên quan.

3.6. Thời gian làm việc:

- Ngày hành chính: Từ thứ 2 đến thứ 6 - thời gian làm việc 08giờ/ngày.

- Ngày thứ 7, Chủ nhật, các ngày lễ, tết – thời gian làm việc 04giờ/ngày.

(Bố trí thời gian làm việc và nghỉ giữa giờ: Tùy theo yêu cầu công việc của 2 bên nhưng phải đảm bảo thuận lợi phục vụ công tác chuyên môn, có thể thỏa thuận theo từng vị trí nhưng vẫn đảm bảo mỗi người làm việc đủ 8giờ/ngày).

- Các ngày thứ 7, Chủ nhật và ngày lễ, tết phải đảm bảo 100% về nhân lực thực hiện công tác vệ sinh nhưng thời gian vệ sinh bằng ½ ngày thường (thời gian vệ sinh buổi sáng).

- Bố trí trực hàng ngày ngoài giờ hành chính: Trực tại khoa Cấp cứu: 01 người, trực tại khoa Hồi sức tích cực - Chống độc: 01 người, khi cần thiết 02 vị trí trực này có thể di chuyển đến các vị trí khác trong bệnh viện để xử lý các sự cố phát sinh trong khi trực. Trường hợp đặc biệt cần hỗ trợ thêm người bên B đáp ứng khi được yêu cầu.

- Đối với vệ sinh buồng bệnh, buồng thủ thuật, hành lang: Yêu cầu phải làm vệ sinh xong trước giờ hành chính tối thiểu 15 phút.

- Đối với thu gom rác: Thời gian thu gom tại các khoa, phòng trước giờ hành chính tối thiểu 30 phút. Trong giờ hành chính khi túi rác đầy phải thực hiện thu gom luôn.

- Vận chuyển rác: Yêu cầu vận chuyển rác tránh thời gian đông người đi

lại (ngay trước và sau giờ hành chính).

4. Giải pháp và phương pháp luận:

4.1. Giải pháp và phương pháp luận:

- Có giải pháp cụ thể về thời điểm vệ sinh, tần suất làm sạch. Kỹ thuật làm sạch, trình tự làm sạch: Có quy trình vệ sinh tại các vị trí theo đúng quy định (theo Quyết định số 3916/QĐ-BYT ngày 28/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các quy định khác có liên quan).

- Có phương án dự kiến sử dụng phương tiện làm sạch, hóa chất làm sạch, khử khuẩn phù hợp cho các vị trí.

4.2. Kế hoạch công tác:

- Có lập kế hoạch công việc cụ thể, phù hợp với các hạng mục (nhân lực, thời gian, thời điểm và tần suất...).

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

5.1. Quy định về kiểm tra:

- Kiểm tra chất lượng công việc: Bên A kiểm tra công việc của Bên B định kỳ (hàng tuần, hàng tháng)/đột xuất tại các vị trí vệ sinh (Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn chủ trì, phòng Điều dưỡng... phối hợp kiểm tra chất lượng vệ sinh tại các vị trí vệ sinh, lập biên bản và có ký các bên (Bên A: thành phần kiểm tra, Bên B: quản lý và người trực tiếp thực hiện vệ sinh). Kiểm tra đột xuất: Do bên A thực hiện, đánh giá bên B có thực hiện theo đúng nội dung trong hợp đồng không (có biên bản kèm theo).

- Kiểm tra về nhân lực: Bên A kiểm tra, giám sát nhân lực của Bên B định kỳ (hàng tuần, hàng tháng)/đột xuất tại các vị trí làm việc, đối chiếu với E-HSDT, xác định bên B có đảm bảo nhân sự theo đúng E-HSDT không (có biên bản kèm theo nếu cần).

- Kiểm tra về máy móc, thiết bị làm việc: Bên A kiểm tra máy móc, thiết bị làm việc của bên B định kỳ (hàng tháng)/đột xuất tại các vị trí làm việc, đối chiếu với E-HSDT, xác định bên B có đảm bảo thiết bị theo đúng E-HSDT không (có biên bản kèm theo nếu cần).

5.2. Tiêu chuẩn nghiệm thu dịch vụ:

Nghiệm thu dịch vụ và thanh toán hàng tháng nếu đáp ứng yêu cầu hợp đồng:

- Nếu Bên B đáp ứng nội dung công việc theo đúng hợp đồng đồng thời đáp ứng về nhân lực theo đúng E-HSDT trong mọi thời điểm là bằng chứng để nghiệm thu công việc trong tháng (có biên bản kèm theo).

- Nếu Bên B không đáp ứng nội dung công việc theo đúng hợp đồng hoặc không đáp ứng về nhân lực theo đúng E-HSDT hoặc không đáp ứng số lượng, chất lượng máy móc, thiết bị là bằng chứng để Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng (có biên bản kèm theo).

- Vi phạm lỗi khác: Trường hợp bên B nếu có vi phạm lỗi thì thực hiện giảm trừ giá trị hợp đồng theo khoản E-ĐKC 15, Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng.

- Biên bản nghiệm thu bao gồm các thành phần:

+ Bên A: Lãnh đạo Bệnh viện, lãnh đạo khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn/ phòng Điều dưỡng/phòng Quản lý chất lượng/phòng Hành chính quản trị...

+ Bên B: Giám đốc công ty, tổ trưởng quản lý phụ trách vệ sinh công nghiệp.